

Đà rọi hào quang đến đánh đầu ta để hộ niệm cho ta, để cho chú vãng sanh được hiệu lực rằng: Đồi lục đạo làm tịnh độ, khiến hữu tình hay chúng sanh liền chứng lên bực thập địa bồ tát.

Kế đến niệm Phật hồi hướng, để thể thủ lấy lẽ thật chứng; đến rốt lại cũng kết thúc về tam quy là: Từ thí chí chung, việc công tác này có bao phép lành, mỗi mỗi đều tập trung về ngôi “Tự tánh Tam Bảo” để nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng dấy cái tâm vô thượng Bồ đề, và trí Phật tròn đủ làm biết tất cả chúng chúng.

Hai thời sóc, vọng làm lễ “Chúc tán”, đó là cầu đảo đức Hộ Pháp Vi Côn, cả chư thiên Bát bộ, các thần Hộ giáo Già Lam, để nhờ các Ngài ủng hộ ngôi Tam Bảo, và ngăn dẹp những Ma chướng khi dễ bên ngoài, đặng giữ chánh đạo bên trong.

**Hỏi:** Với pháp quán hoàn toàn vi diệu không thể nghĩ bàn ấy, chỉ giúp cho những người bực thượng căn, mới có thể tu học nổi; còn với hạng căn tánh bực trung hạ thì, phải tu học cách nào?

**Đáp:** Chỉ phải chăm một lòng vừa đọc lại vừa tự nghe, mỗi chữ rõ ràng, hoặc quán xét ngay nơi chữ mà lòng không hôn trầm tán loạn; 2 cảnh sở quán sở văn có sanh diệt, chứ tánh năng quán, năng văn tỉ như cái thể sáng của gương vẫn tự tại chẳng dời. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Với lúc tiếng chuông không reo, tánh nghe đã chẳng diệt, lúc mà có tiếng chuông reo, tánh nghe cũng phi sanh; đều là hẵn luôn hai cảnh có sanh diệt, như thế tánh nghe mới thường chơn thật”. Đây cũng chính là nghĩa trên đây bảo thế.

**Hỏi:** Trong lúc dụng công để tu, muốn vọng tưởng dứt lạng đi, mà nó lại loạn động lên mãi, thì lấy gì để đối trị?

**Đáp:** Mặc kệ cho vọng tưởng sanh khởi, không kể, chỉ cốt là ta liền nhớ thấu tinh tâm lại, chăm chú đừng cho tâm niệm lửng dờ đi là được. Tỷ như chủ ý của con mèo chăm bắt con chuột, hẵn không có một cử chỉ gì để buông rời. Lúc ta đương dụng công để tu quán hay tụng niệm gì, dầu như tâm tước lửng tán đi, thì phải thấu kéo nó lại, cứ thế thấu tâm về mãi không thôi. Cái công thấu tâm ấy càng nhiều càng nhắc, càng dày, thì tự nhiên nó kết tinh lại thành một thể vô tướng. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói “Với cái động, và tịnh của cảnh, tánh nó chẳng dời, lúc nhớ lúc quên, tánh vẫn như một, phải từ chỗ đó, để lần lượt đi sâu vào, mãi cho đến giai đoạn quên cảnh quên tâm, và với cái “quên” cũng quên luôn đi, đến tận cảnh tịch diệt, là chúng được pháp tánh”.

**Hỏi:** Những hành giả nào trí lực kém thiếu và thân thể ốm

yếu, hoặc gặp cảnh thiện hay ác quá thịnh, thì tâm niệm trước dù phải, nhưng tâm niệm sau lại chẳng phải, nghĩa là với cảnh thiện thì chẳng động tâm theo thiện, gặp cảnh ác tâm cũng xúc cảm theo ác, nên nói trước phải sau chẳng phải. Cứ thế, trải qua nhiều năm, chất chồng lăm tháng, mà rốt cũng chẳng thấu tâm niệm lại được thì sao?

**Đáp:** Hành giả nào mà tâm trí bất lực, vì không tự chủ được với hoàn cảnh, là bởi nghiệp chướng từ đời trước quá nặng hậu ! thì hành giả ấy cần phải phấn phát chí dũng mãnh, gieo lòng chí thành khẩn thiết, lạy sám hối theo bốn lớn, cốt đợi cho nghiệp chướng tiêu diệt, chùng đó, tâm trí mới có phần đắc lực.

Thế nên người xưa đành chịu trụ vào chỗ Tử tâm (*Diệt tận định: diệt ý thức đi, chẳng cho nó hiện hành hoạt động gì hết; như chết rồi, nên gọi tử tâm: Chính tổ Ca Diếp thường ở trong "Diệt tận định" nghĩa là không cho ý thức tư tưởng gì hết là nghĩa tử tâm, tức không dùng đến tư tưởng*). Tu như thế, hoặc suốt đời, hoặc một kỳ hạn mấy chục năm, trong thời kỳ tu tử tâm, mỗi phút đều chẳng rời cái niệm diệt tư tưởng, nên có thể hẹn ngày minh tâm kiến tánh được. Người tu đời nay, mới nhúng tay vào việc, đã muốn thành công liền, há đã dễ lại dễ quá ru?

Chỉ bởi những nghiệp tập từ vô thí nhiều như đây cả vũ trụ, nếu không cần tu cho lâu xa, thì làm gì thấu tâm định được? Chính Ngài Dũng Tuyên làm việc tu như thế suốt 40 năm, ngài Hương Lâm tu 40 năm mới thành một kết quả v.v...Việc tu ấy, người xưa còn chẳng làm được dễ dàng thay; huống người bực trung hạ, đâu mau thành được? Nên phải lập chí cho bền, hễ chướng hết rồi, thì tâm lực tập trung thuần thực, chùng đó, tự nhiên thành được pháp diệu quán.

--- o0o ---

## **THỜI KINH KHUYA**

**ĐẠI PHẬT ĐÁNH, THỦ LĂNG NGHIÊM KINH THẦN CHÚ**

Thích nghĩa "Thần chú của kinh Đại Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm".

Y theo ý kinh mà lập ra danh đề, vì nêu tên chỉ là **"Pháp"**. Bằng đủ theo kinh đề, thì 19 chữ đều nêu lên cả **Nhân** và **Pháp**.

**"Đại Phật đánh"** là tánh đủ 3 đức: **"Thủ Lăng Nghiêm"** là ngôi tu 3 nhân. Chừ đón về Đại Phật đánh đều đủ 3 đức đó (nay chiếu theo Đại Phật đánh mỗi mỗi đều có đủ 3 đức), thì **"Đại"** đủ 3 nghĩa: 1/ Pháp thân là **Thể Đại** (lớn), vì tâm tánh khắp giáp tròn đủ. 2/ Bát nhã là **Tướng Đại** (lớn), vì trí huệ suốt thấu tỏ soi. 3/ Giải thoát là **Dụng Đại**, vì lan rộng ứng hiện không ngần (trở) ngại **"Phật"** đủ 3 nghĩa 1/ Giác tự (giác ngộ lấy mình) thì biết tự tánh vẫn thanh tịnh, dứt hẳn những danh nghĩa còn đối đãi hai bên, tức là nghĩa **Bát Nhã Đức** 2/ Giác tha (giác ngộ cho người), thì khiến cho chúng hữu tình được sáng suốt lòng dạ, tức là nghĩa **Giải Thoát Đức** 3/ Giác mãn (với 2 điều giác ngộ ấy làm đã hoàn toàn), thì chúng được cái thể và tướng của **"pháp giới tánh"** là tánh Phật, mà ta với người đều đồng bực, tức là nghĩa **Pháp Thân Đức** **"Đánh"** là đánh đầu, cũng đủ có 3 nghĩa 1/ là nghĩa tối tôn, vì thể tướng của pháp thân rất quý, tức đức của pháp thân 2/ là nghĩa chẳng khá thấy, vì với cái **"đánh** tốt cao của Pháp thân, huệ nhãn, pháp nhãn hầy còn chẳng thấy được, duy có Phật nhãn mới thấy tận nơi, tức đức của Bát nhã. 3/ Là nghĩa phóng quang hiện hoá Phật, vì tại nơi đánh đầu của Phật Thích Ca phóng hào quang ra, trong hào quang có đức hóa Phật nói thần chú Lăng Nghiêm, tức đức của giải thoát. Nói bằng cách đón tắt: Đại tức là pháp thân; Phật tức là bát nhã; Đánh tức là giải thoát. Nghĩa là: Pháp thân là cái lý tánh thanh tịnh chu viên, vốn sẵn đủ Trí bát nhã là vắng lặng mà tỏ soi. Trí đó vẫn chiếu ngay vào Lý pháp thân, chứ hẳn không có trí nào riêng ngoài lý mà có thể chiếu được lý ấy, cũng không có cái lý nào riêng ngoài Trí mà bị trí nó chiếu, Lý Trí vẫn như như, phi đồng nhau, cũng phi dị nhau, vừa tròn sạch, vừa tròn tốt, tức là đại giải thoát. Thế nên **"Đại Phật đánh"** là cái tánh kho mầu nhiệm để chứa 3 đức kia. Chư Phật chính đã giác ngộ tánh ấy, còn chúng sanh chính đương mê muội tánh ấy; mặc dầu đương mê, chứ nó cũng có tánh sẵn đủ ấy đồng với chư Phật. Bởi lẽ ấy, nên chúng sanh y nơi tánh đức sẵn đủ đó, có thể phát triển ra cái tu đức Thủ Lăng Nghiêm, ngộ hầu khá hườn nguyên lại tự chứng lấy tánh đức ấy.

**“Thủ Lăng Nghiêm”** là tên một “tam muội” chính một pháp đứng đầu cả một trăm lễ tám (108) pháp tam muội mà là một cái tên chung của tất cả pháp đại định.

Tiếng Phạm là “Sùramgama” theo Cựu dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Nghiêm” Tân dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Gam”. Thủ Lăng Nghiêm, đối nghĩa là “tất cả việc ráo rớt bèn chắc”, rằng “tất cả sự” ấy, tức là cái của sáu phạm bốn thánh giữa mười cõi, chữ sự tức là chữ pháp. Với pháp của lục phạm, tứ Thánh trong thập giới, chỉ dùng hai chữ “Sắc Tâm” bao quát được hết thảy. Sắc, tức là khí giới và căn thân; tâm, tức là 8 thức tâm vương, tâm sở.

Đối với sắc tâm, như tùy theo mỗi căn cơ, mà Phật hoặc mở ra hoặc hợp lại. Phân làm bốn hạng:

1. Vì những kẻ mê Tâm nhiều, mê Sắc ít, Phật nói pháp ngũ âm, đó là đối với Tâm thì mở, với Sắc thì hiệp.

2. Vì mấy người mê Sắc phần nhiều, mê Tâm phần ít, Phật nói pháp lục nhập và 12 xứ. Đó là mở Sắc ra, hiệp Tâm lại.

3. Chúng nào với Tâm Sắc đều mê cân nhau, thì vì họ mà Phật thuyết ra pháp 18 giới, thế là Tâm Sắc đều mở ra cả.

4. Các đấng nào với Tâm Sắc đều chẳng mê, thì Thế Tôn vì nói ngay 2 chữ Sắc Tâm ra, là họ tức thời rõ liền.

Ba hạng người trước, là căn cơ đều chậm chạp tối tăm; hạng thứ tư là những người có căn tánh nhanh chóng sáng suốt. Người mà mê tâm thì ngu nơi tâm, kẻ nào mê sắc thì ưa chấp cảnh. Bởi thế, sắc và tâm của Thánh phạm 10 giới, tức là 5 âm, 6 nhập, 12 xứ và 18 giới, mà âm, nhập, xứ, giới tức là Sắc Tâm của thánh phạm 10 giới, gọi chung là “tất cả sự”, cũng tên là “hết thảy pháp”.

Người tu nếu có thể quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi đều là tại đâu sanh, với diệt thì cũng tại xứ nào diệt ở xứ này (như nhãn thức thì sanh tại nơi nhãn căn, mà diệt cũng tại nơi nhãn căn; cả đến các căn thức kia cũng tại đâu vẫn sanh diệt đó như thế), người nào tu quán được như thế, tức tỏ chứng Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Chân đế”, thì đặc cái “Liễu như huệ tánh” hiển hiện ra; người mà quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi cái nào cũng đều là xứng nhau với cái tướng huyền hóa hư vọng, tu quán được như thế tức là chứng rõ Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Tục đế” thì đặc cái “duyên nhân thiện tánh” nó hiển ra; người nào tu quán các pháp; âm, nhập, xứ và giới, nhận thấy cái tánh của các

pháp ấy thật là cái thể sáng của diệu giác, người ấy liền rõ ngay Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Trung đế”, đặng cái “chánh nhân lý tánh” tỏ bày ra.

Nói lên một Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tức là ba đế, nói ba đế tức gồm một Thủ Lăng Nghiêm; mà ba với một chẳng phải là hai. Song tu tam đế tam muội ấy, toàn do nơi tánh Đại Phật đánh để khởi sự, ngay nơi cái tánh Phật đánh để tu nhân, rồi trở lại cũng chứng ngay lấy cái tánh Phật đánh ấy. Thế là chính chỗ bảo: “Từ tánh dấy tu, mà không tu chi khác hơn là tu tại tánh ấy, vì tánh và tu chẳng phải hai riêng nhau.”

**“Chính rõ trì chú”**: Mỗi chữ đều do nơi tự tâm để đưa ra, mỗi câu lại cũng từ nơi tự tâm để rút vào, là chỗ bảo rằng đâu chẳng do nơi “pháp giới tánh” để lưu thông ra, rồi phải chẳng chẳng trở lại về nơi “pháp giới tánh” thật thế. Đã là Nhứt thiết sự gì cũng đều do ở tánh Đại Phật đánh để làm thể, nên mỗi mỗi sự pháp đều nói rất ráo bèn chắc cả.

Song, chừ với cả trong thần chú, phân ra làm 5 hội, mỗi hội đều có danh: Hội thứ nhất là **“Tát đác đa bát đác lam”**

Hội thứ nhì là **“Tác đác tha bát lật xá tất đa”**

Hội thứ ba là **“Tô ba la noa ma ha bát thu bác đác dạ”**.

Hội thứ tư là **“Tát đát đa bát đác ra”**

Hội thứ năm là **“Tất đác đa bát đác ra”**

Hoặc nhập 5 hội làm một, kêu chung một tên là **“Phật đánh quang minh ma ha tát đác đa bát đác ra vô thượng thần chú”**. Đối với tất cả như bí mật, nghĩa hiển nhiên, thì nội trong đầu đề Kinh, nó gom trùm trọn vẹn hết thảy.

Rằng **“Hào quang đánh Phật”** tức là trên đánh đầu của đức Thích Ca phóng hào quang ra, trong ánh sáng có đức hóa Phật nói thần chú của Kinh này.

“Ma Ha” dịch nghĩa là lớn: đủ 3 nghĩa lớn như trên đã nói, tức là “Đức pháp thân”; “Tát đác đa” dịch nghĩa là Trắng: Cái tướng nó khác hẳn các màu nhuộm trí tánh nó đủ sạch sẽ trọn vẹn, tức là “Đức Bát Nhã”; “Bát đác ra” dịch nghĩa là Lọng tàn: dùng che mát muôn loài, tức là “Đức giải thoát”. “Vô thượng” rất sáng tốt cao, đứng sừng chót vót, không chi ngang sánh. Với uy linh không thể lường xét được, với cảm ứng cũng khó nghĩ bàn, nên gọi là “Thần chú”.

“Tàn lọng trắng lớn” toàn thể nó là “Chủng trí” chư Phật, mà là “diệu tánh” của chúng sanh, chủng trí là quả, diệu tánh là nhơn, mà nhơn trùm quả suốt, vừa đủ lý tánh, vừa đủ giáo nghĩa. Nên với thần chú này: người tụng đến, sẽ trừ hết nghiệp chướng từ đời trước; người trì đến, khá chứng quả Phật.

Lại nữa, thần chú đây, cũng có tên là Chú tâm, cũng có tên là Tâm chú, cũng có tên là Như Lai đánh, bởi vì thần chú đây là pháp sở thuyết của đức Hóa Phật hiện ra trong hào quang trên đánh đầu của đức Thích Ca; Hóa Phật tức là biểu tượng của Như Lai tạng tâm.

Song, y nơi kinh, đề lập danh đề, đó là nghĩa của hiền giáo; còn y theo Chú đề lập danh đề, đó là nghĩa của Mật giáo. Mà đồng thời vừa Hiền vừa Mật lẫn tròn chẳng phải riêng làm hai, thế nên đều có thể lập danh đề bằng cả Mật lẫn Hiền được nốt.

Chỉ bởi chúng sanh tự mê muội quên lửng Như Lai tạng tâm là tánh Phật của mình đi, nên đức Hóa Phật trên đánh của đức Thế Tôn ngài nói thần chú ra vậy là, chính muốn cho chúng sanh giác ngộ ngay nơi Như Lai Tạng của mình vốn sẵn đủ.

Chú đã Phật tâm, nên với công dụng của nó, người ta khó nghĩ suy gì được ! Đối với Chú, người tu hành phải cần trì tụng mới đặng. Kinh nói “Nguyên các đức Như Lai, ở mười phương, nhơn nơi chú tâm đây, mà đắc đạo quả Phật”.

Kinh lại nói: “Các người là bực Hữu học chưa hết cái khổ sanh tử luân hồi, thì các người nên dấy cái tâm chí thành để tu tụng Chú-tâm đặng chứng lấy quả Vô học là A La Hán. Nếu chẳng tu trì chú này, thì không thế nào ngồi chôn đạo tràng mà khiến cho thân tâm xa tránh được các điều Ma chướng làm hại được”.

“**Dón nghĩa**” là với Chú, không thể giải nghĩa ra đặng, vì đã là ý nghĩa vô cùng, lại không nhứt định, bởi người tu tâm thành đến đâu, cầu nguyện đến gì, là được đến đó, nên chẳng dịch ra được là vậy. Nhưng chỉ đón theo nghĩa của Chú, xin bày ra ít lời sơ lược thôi.



Họp cả toàn văn của hai thời khóa tụng, phân làm ba tiết:

Tiết thứ nhứt, thời sớm, thời chiều, đều từ bắt đầu cho đến niệm Phật và Bồ tát, đó là chính việc tu pháp khoá tụng.

Tiết thứ nhì, tức là văn hồi hướng của hai thời sớm và chiều, với văn tam quy y, là phần hồi hướng bằng kết cuộc phổ độ chúng sanh.

Tiết thứ ba, tức là hai thời chúc tán sóc, vọng, là để chúc cầu các vị Thần Hộ pháp, an tăng quốc thái, dân khương. Âm siêu, dương thới.

## NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

Kính lạy Phật và Bồ tát trên hội Thủ Lăng Nghiêm

Đây là kính vì ngôi “Tổng tướng Tam Bảo”; số là, với tất cả việc Phật đều lấy “Tam Bảo” làm chỗ quy y, nên phải xưng lên trước nhưt.

**Lăng Nghiêm** tức là ngôi Pháp bảo **Phật** tức là ngôi Phật bảo; **Bồ tát** tức là ngôi Tăng bảo; giữa Tam Bảo, các Thánh phàm đều nhóm họp là **Hội**: Một hội như thế: Phật là Giáo Chủ, để gồm cả chư Phật trong hội đồng cùng phóng quang quán chiếu vào đánh lẫn nhau. Bồ tát là bạn (đối với chủ) để chung gồm cả các Thánh 3 thừa tại hội và các Thánh từ 10 phương qua lại. Chính là gọi: chủ bạn hội đồng, cơ giáo phù hiệp, đây là một trường hợp Tổng tướng mà là “Tự tánh Tam Bảo” vậy.

Từ câu “Diệu trạm tổng trì bất động tôn” đến câu “thước ca ra tâm vô động chuyên” cả 18 câu kệ ấy, là lời kệ tán đối kinh Lăng Nghiêm, nhưn vì A Nan giác ngộ rồi, phát thệ nguyện ấy để khen ngợi Phật.

Bởi A Nan tỏ ra bị sa ngã về cái nạn của nàng Ma Đăng Già... Đức Như Lai phóng quang thuyết thần chú, sai ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ A Nan... khi A Nan về đến chỗ Phật, lạy khóc và cầu hỏi về giáo pháp.... “tối sơ phương tiện” là ông có ý như muốn lên đường về nhà mong được đạo lực hoàn toàn, thì cốt phải biết trước cái căn bản của sanh tử đã. Nên chi Phật bảo rằng: Sở dĩ bị sanh tử tiếp tục mãi, là đều bởi tất cả chúng sanh chẳng tự biết cái chân tâm hằng còn, tánh thể nó vẫn sáng sạch, lại dùng làm lấy cái vọng tưởng làm tâm, thành thử cứ lăn tròn theo sanh tử, vì cái tướng ấy không phải Tâm !

Cái lẽ mà quên chân tâm, rượt theo vọng tưởng, là đều bởi Tâm, Mục gây nên tội lỗi, nghĩa là bởi mắt thấy lòng động, mới có điều ân ái, do ân ái, mới có sanh tử; nên Phật dùng 7 chỗ để gạn hỏi cái Tâm, là khiến cho biết rằng: đối với mỗi chỗ, Tâm và Mục không nhứt định ở một chỗ nào cả.

Khai thị về hai thứ căn bản (1/ vô thi sanh tử căn bản là vọng tâm 2/ vô thi Bồ đề Niết bàn là chân tâm) thì Phật dạy rằng: “vọng tâm không có tánh riêng của nó: còn Bồ đề tâm thì nguyên lai vẫn chân thật. Các pháp mà được phát sanh, là do nơi tâm A lại da biến hiện.”

Với căn 10 phen chỉ rõ cái tánh thấy, thì Phật khiến cho biết rằng: chạm đến đâu, chỗ nào chẳng chẳng đều là chân cả.

Lại, hội về các văn: 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, phi nhơn duyên, phi tự nhiên, thì Phật nói rõ về đạo lý trung bình, là tánh Như Lai Tạng.

Rốt sau, tiêu dung luôn địa, thủy, hỏa, phong đều là cái thể thanh tịnh sẵn sàng, cái dụng khắp giáp pháp giới. Nghĩa là: trong với thân tâm, ngoài với vũ trụ, chỉ một Đại mà thành pháp giới, phi thiếu, gồm 7 Đại mà thành pháp giới, cũng phi dư; vì đối với vạn pháp, thì Như Lai tạng tánh nó vẫn nhứt như, mà dù tùy theo nghiệp tịnh hay nhiễm của chúng sanh, tánh nó phát hiện ra tự hồ có thiên sai vạn biệt, thành thử có những cái danh tướng của thất Đại đó, là chỉ vì với thể dụng xung hô mà có khác vậy thôi.

Chân không là cái thể của “Nhứt Như”, nên với thất đại, đều gọi là chân không; còn thất đại là cái dụng theo nghiệp tịnh hay nhiễm nên nói “Tạng tánh, sắc tướng tức là chân không; tạng tánh chân không cũng tức chân sắc”. Nhẫn đến nói “tánh biết rõ hay, là biết hay đều do nơi tánh minh; biết sáng cũng chân thức, là thức nó tuy là lỗi vì “giác minh” nhưng thể nó vẫn thiết chơn, vì lẽ diệu giác trạm nhiên, thể dụng chẳng hai, nên điều được nương nhau lẫn nói.

Bấy giờ, A Nan được cái sáng suốt không còn chi ngăn ngại, vì thân tâm đều rỗng rang, nên thấy mười phương trống không, như xem thấy lá cây hay vật gì đương cầm trong bàn tay, nghĩa là thấy rằng: tất cả những vật sở hữu giữa cõi đời, đều nguyên là cái giác tâm diệu minh đồng một cả-thể như nhau. Ông tự chứng biết được cái bản tâm diệu giác của ông rất rõ ràng. Đối với thâm ân của Phật, vì quá ư cảm động, nên A nan chính nơi



miệng mình thốt lời nói bài kệ đề tán thán Phật bằng nguyện lớn rằng:

**1. Diệu tràm tổng trì bất động tôn**

**2. Thủ Lăng Nghiêm vương thể hy hữu.**

Đức “Diệu Tràm Tổng Trì Bất Động Tôn”; Pháp “Thủ Lăng Nghiêm lớn như”, vì thể gian ít có.

Câu thứ nhất là khen cả ba thân, Phật, đây là người chứng quả năng thuyết; câu thứ hai: bốn chữ “Thủ Lăng Nghiêm vương” và Pháp sở thuyết; ba chữ “thể hy hữu” đây là khen chung cả Nhơn, Pháp đều ít có.

Sau khi đã nghe rồi được ba cuốn trước kinh Thủ Lăng Nghiêm, ông A Nan mới biết chỗ sở thuyết của Phật, lý nó cực diệu, lý ấy không sai khác một mảy giữa tâm sẵn có của mình (A Nan) với chúng sanh, nên chính nơi miệng ông thốt hai câu ấy ra đề tán thán Nhơn hy hữu là Phật, Pháp ít có là Lăng Nghiêm.

**Diệu Tràm:** Trí thanh tịnh đã viên mãn, thể nó thì vắng lặng, dụng thì không ngăn ngại; đó là tán thán về nghĩa “Bảo thân Phật”.

**Tổng trì:** Tánh Như Lai Tạng nó tùy theo duyên nhiễm hay tịnh của thức biến, để phổ ứng ra tất đại, lợi ích không bỏ sót một vật nào; đó là tán thán về nghĩa “Ứng thân hóa thân Phật”

**Bất động:** Tâm tánh nó thường vắng lặng, vì vô thi vô chung; đó là khen ngợi về nghĩa “Pháp thân Phật”

Lại, cả ba thân đều diệu tràm (màu trong), vì ba mà tức là một. Cả ba thân đều là tổng trì (gom giữ), vì một mà tức là ba. Cả ba thân đều là bất động (chẳng động), vì ba và một chẳng phải là hai riêng gì.

Lại, sách Văn Cú nói: Diệu tràm là nghĩa tùy duyên mà thường chẳng biến; Tổng trì là nghĩa chẳng biến mà thường tùy duyên; bất động là nghĩa theo duyên chẳng đổi, bất biến tùy duyên, vì không hai thể. Kinh đề đủ 20 chữ “Đại Phật đánh Như Lai mật như tu chứng liễu nghĩa chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”.

Như lai mật như tu chứng liễu nghĩa gọi là “Diệu tràm” chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm gọi “Tổng trì”; Đại Phật đánh gọi là “Bất động”, đều được nói một mà tức là ba, nói ba gồm một, vì 3 với 1 chẳng phải là 2.

Rút lại để nói: “Diệu trạm tổng trì bất động” nghĩa nó bao gồm cả toàn bộ Lăng Nghiêm kinh; cũng thấu gồm cả Thánh giáo của một đời Phật thuyết, cho đến tông chỉ mầu nhiệm của tất cả chư Phật ba đời, mười phương, sáu chữ ấy nó gom thấu hết không sót một chỗ nào. Đủ như các lời sơ của sách Phật đánh vần cú đã giải ai có cần hiểu rộng, phải tìm sách ấy để xét....

**Tôn:** Cao nhất giữa bốn bậc Thánh, vì cả ba thân đều là vô thượng tôn cực.

**Thủ Lăng Nghiêm vương:** Tên chung của pháp đại định, vì định này nó gồm thấu hết các pháp tam muội (định) khác; lại tên là “Vương tam muội”

Nay lấy ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cả thất đại làm tất cả sự; các sự ấy đều là cảnh sở hiện của tâm. Chính là bảo: kẻ nào quên cái “Nhu lai tạng tâm” thì nó biến thành ra các sự: thất đại, thập bát giới, thập nhị xứ, lục nhập, ngũ âm, tạp nhiễm sanh diệt của chúng sanh; trái lại, kẻ nào nhớ được cái “tâm Như Lai Tạng” thì các sự (âm, nhập, xứ...) kia đều trở thành lại bằng viên diệu thanh tịnh của chư Phật, như ngũ âm thành ngũ phần thân hương, lục nhập thành lục thân thông... tức là tâm tịnh độ tịnh. Nghĩa là nhứt thế sự thanh tịnh viên diệu..

Thế nên biết rằng: các sự ngũ âm, lục nhập... đâu chẳng là pháp được sanh bằng nhơn duyên, cũng như đủ điều kiện mới phát hiện. Đã do nhiều nhơn duyên mới phát sanh ra các pháp là âm, nhập... các sự, thì các sự tỷ như hoa đóm giữa hư không, vì cái thể nó vốn không, bởi nguyên nó là Như lai tạng tâm, mà tạng tâm ấy đương thể nó là Diệu trạm tổng trì bất động.

Thế thì, nói nhứt thế sự đều là tạng tâm, nên bảo rằng “cứu cánh”. Mỗi sự mà là Diệu trạm tổng trì bất động, nên bảo rằng “kiên cố”. Thủ Lăng Nghiêm, dịch là: Nhứt thế sự cứu cánh kiên cố. Nghĩa là suốt thấu nguồn đáy các pháp, mà, không động không hoại, thật thế. Người mà tu pháp quán ấy, thời, các pháp: Tam đề, Tam quán, Tam đức, Tam thân, đâu chẳng đều ở nơi pháp Thủ Lăng Nghiêm tam muội này.

**Hy hữu:** ít có. **Thế:** thế gian của cửu giới, tất cả Thánh phàm trong chín cõi đều chưa chứng ngộ được “tạng tâm”. Chưa rõ được Phật đức, nên chưa có thể nói được pháp tam muội ấy, cũng không thể nghe nổi được pháp tam muội ấy nên nói “thế hy hữu” nghĩa là cả chín thế gian ít có người nói pháp ấy. Nay ông A

Nan đã nghe và đã chứng ngộ được, nên thuật rõ lời tán thán để cảm ơn sâu của Phật.

### 3. Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng

### 4. Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân:

Dứt tướng đảo diên từ vạn kiếp, chẳng trải nhiều kiếp chứng pháp thân.

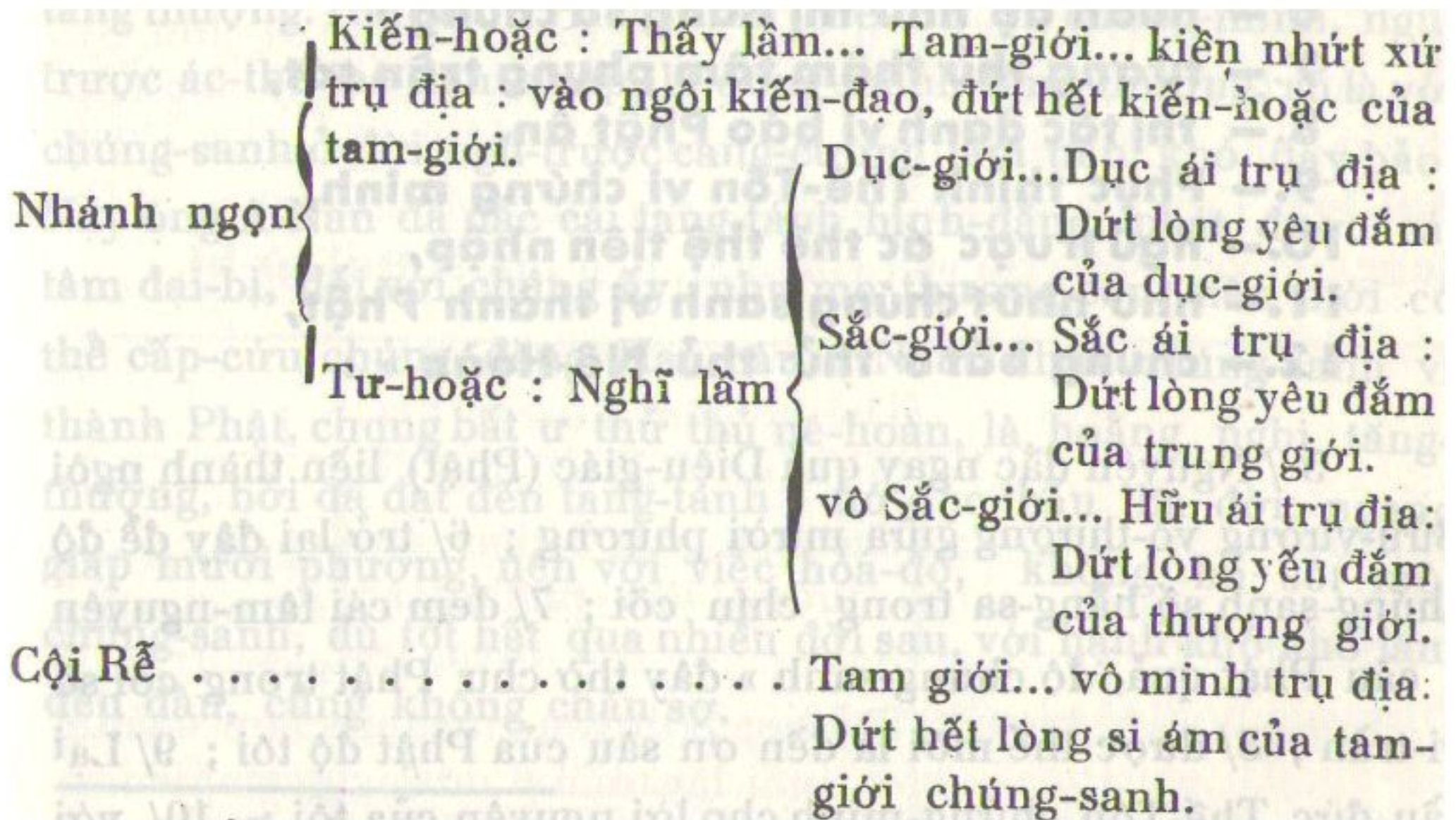
Đây là ông kể bày chỗ đã chứng ngộ. **Kiếp**, tiếng phạn là kalpa, dịch là thời phân, nghĩa là năm tháng ngày giờ rất lâu dài. **Ức**, ức có 4 số 1/ mười vạn; 2/ trăm vạn; 3/nghìn vạn; 4/ muôn vạn. Nói "tướng diên đảo từ vạn kiếp": sau khi chứng ngộ rồi, mới nhận thấy từ vô thi đến nay toàn những vọng tướng mê tình. Nương nơi vọng tướng ấy, để kiến thiết ra những khổ cảnh sanh tử giữa chín thế giới, mà sở chấp của chúng sanh trong của giới không ngoài các pháp như duyên tự nhiên hòa hiệp, bất hòa hợp, hữu, vô, đoạn, thường, mỗi mỗi đều là pháp sanh diệt hý luận, thật vậy. A Nan đã biết được cái tánh: Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, nêu bao điều hý luận vọng tướng liền tiêu tan, mà với pháp thân bốn hữu mới thâm hoạch lại đặng.

**A tăng kỳ**, tiếng phạn là Asrinkhya, dịch: vô số; Bồ tát muốn thành Phật, phải trải qua số năm bằng tam A tăng kỳ kiếp, để tu đủ phước đức trí huệ, gây các tướng tốt, mới kết tinh pháp thân bằng "Ngũ phân hương" (quả Phật bên tạng giáo).....nhấn đến được "pháp thân cứu cánh thanh tịnh" (quả Phật (diệu giác) bên (viên giáo)). Ở đây, A Nan liền chứng ngộ được tạng tánh trong ngày giờ chẳng trải qua kiếp số tăng kỳ, mà đã đắc pháp thân. Đã rằng pháp thân, tất phải đủ 2 đức nữa là bát nhã và giải thoát, thì pháp thân đây chẳng đồng nhau với "tổ pháp thân" bên biệt giáo nói (Tổ: dùng nghĩa theo loại như Tổ Vương, Tổ Phong). Còn như muốn chỉ rõ ra, thì, chỗ mà diên đảo vọng tướng tiêu tan hết đó là đức giải thoát; cái trí hay làm cho diên đảo vọng tướng tiêu tan đó là đức bát nhã.

Song, khi chúng ta còn mê muội, với ba đức ấy không phải ta bị giảm bớt, mà chỉ là ta chẳng giác ngộ đó thôi; nghĩa là như bỏ quên mất, nên chỉ gọi là "Lý tức Phật".

Ngũ trụ hoặc - tức là ba hoặc vọng tướng. Cả kiến hoặc của tam giới, hợp làm một Trụ; cả tư hoặc của ba giới, phân làm tam Trụ, gọi là tứ trụ địa phiền não, thế là vọng hoặc trong tam giới. Người tu đã chứng quả La Hán, ra khỏi lớp vọng hoặc của tam giới, còn có nhị phiền não hoặc là Trần sa và vô minh, hợp

làm một Trụ, chung với trên cộng là ngũ trụ. Phá hết ngũ trụ tức là chứng cực quả Phật bên Viên giáo; thô cấu là kiến hoặc, tư hoặc, đoạn hết kiến hoặc, thì chứng bực Sơ tín, đoạn hết tư hoặc chứng bực thất tín đều của viên giáo. Xem biểu Ngũ trụ địa:



Phiền não gốc rễ nó hay nảy ra phiền não ngọn nhánh, nên gọi là Trụ địa. Gốc nó làm chỗ cho ngọn nường, nên nói là Trụ; gốc hay nảy ngọn, nên gọi là Địa. Năng sanh là Địa, khiến cho sở sanh được thành lập, nên gọi là Trụ.

Từ trong mê mà giác ngộ, mới biết có công hiệu, thì gọi là Hoạch cũng như đắc hay chứng, mà có năm địa vị chẳng đồng nhau: 1/ Với cái trí chỉ mới đủ hiểu được pháp thân, thì gọi là Danh Tụ hoạch; 2/ Từ chỗ đã hiểu biết rồi khởi sự tu niệm, dẹp hết ngũ trụ hoặc, gọi là Quán hạnh hoạch; 3/ tha hồ hai thô cấu rụng hết trước gọi là Tương tự hoạch; 4/ phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, trong thời đương phá, chứng như thế, gọi là Phần chứng hoạch; 5/ phá hết vô minh, pháp thân hoàn toàn hiển hiện, gọi là Cứu cánh hoạch.

A Nan là bực trong ẩn cái hạnh Bồ tát, ngoài bày cái tướng Thịnh Văn, thì cái chỗ gốc tích của ông là "Bí mật hoạch" hạng phàm không thể nhận xét được ! Nay căn cứ nơi danh tích là Hiện hiện hoạch của ông, thì, ông ở về bực Sơ tín bên Viên giáo, địa vị ngang hàng với bực Sơ quả thánh nhơn bên Tịnh giáo.

5. **Nguyện kim đặc quả thành bảo vương,**
6. **Hườn độ như thị hằng sa chúng**
7. **Tương thử thâm tâm phụng trần sát,**
8. **Thị tắc danh vi báo Phật ân**
9. **Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh,**
10. **Ngũ trực ác thế thế tiên nhập,**
11. **Nhưnhút chúng sanh vị thành Phật**
12. **Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn**

5/Nguyện đặc ngay quả Diệu giác (Phật) liền thành ngôi bửu vương vô thượng giữa mười phương; 6/ trở lại đây để độ chúng sanh số hằng sa trong chín cõi; 7/ đem cái tâm nguyện “Cầu Phật quả, độ chúng sanh” đây thờ chư Phật trong cõi số vi trần; 8/ được thế mới là đền ơn sâu của Phật độ tôi; 9/ lại cầu đức Thế Tôn chứng minh cho lời nguyện của tôi; 10/ Với đời dữ ngũ trực thế vào trước, để độ tận chúng cang cường khó dạy; 11/ Như một chúng sanh nào chưa được thành Phật; 12/ vẫn không bỏ nó, vội thành Phật riêng để diệt độ mình.

Bốn câu trên là nghĩa của pháp bốn thế nguyện rộng lớn. Bài kệ dưới là nghĩa thế nguyện tăng thượng. Chữ Bửu là nghĩa tôn quý. Chữ Vương là nghĩa tự tại. Là nói: Phật đã sạch hết ba hoặc [1] vẫn không hai tử [2] địa vị là vô thượng, nên gọi là Tôn Quý; pháp thân giáp tròn, tội lỗi hư không, hóa độ vô cùng vô ngại, nên gọi là Tự tại.

Sách Văn Cú nói: Nguyện kim đặc quả thành bửu vương, là muốn chứng Đạo đế, Diệt đế của mười pháp giới, chính gọi “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành” và gồm thâu “pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Hườn độ như thị hằng sa chúng, là muốn dứt Khổ đế, Tập đế của mười pháp giới, chính gọi “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, kiêm luôn “phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

“Thâm tâm” là nương nơi Vô tác tứ đế của “Viên giáo”, để phát khởi ra Tứ Hoàng thế nguyện. Kệ đó là lời thế nguyện tăng thượng. Hai câu: Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh, ngũ trực ác thế thế tiên nhập, là đồng mãnh tăng thượng, số là với chúng sanh ở đời ngũ trực cang cường lắm nên khó dạy bảo. Nay ông A Nan đã đặc cái tạng tánh bình đẳng, phát được cái tâm đại bi, đối với chúng ấy, như mẹ thương con, nên mới có thể cấp cứu chúng đặng. Hai câu: Nhưnhút chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn, là hoàng nghị tăng thượng, bởi đã đạt đến tạng tánh; nó

dọc thấu ba đời, ngang giáp mười phương, nên với việc hóa độ, không bỏ sót một chúng sanh, dù tốt hết qua nhiều đời sau, với hạnh khổ khó làm đến đâu, cũng không chán sợ.

[1] Ba hoặc: 1.- Kiến tư hoặc, 2.- Trần sa hoặc, 3.- Vô minh hoặc; Hoặc: lầm, lại có nhiều tên là: phiền não, hữu lậu, cấu và kiết, đều thể theo nghĩa mà đặt tên.

[2] Hai tử: 1.- Phận đoạn tử là cái chết của sáu phàm; 2.- Biến dịch tử của Thinh văn.

Nguyện vì chúng sanh có khổ, Bồ tát có bi, bởi bi cùng đồng thể với khổ: Tỷ như cái tánh thiêng liêng nó quan thiết nhau giữa mẹ con; con có khổ, mẹ ắt bi cứu. Thế nên chúng sanh có cảm, lòng Thánh phải ứng.

“Nê Hoàn” cũng gọi Niết bàn, dịch là Diệt độ; diệt phiền não, độ sanh tử, tức là chúng đặng pháp thân diệu tánh, là tâm cảnh không còn phiền não sanh tử nữa.

**13. Đại hùng đại lực đại từ bi**

**14. Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc**

**15. Linh ngã tảo đặng vô thượng giác**

**16. Ư thập phương giới tọa đạo tràng**

13. Đức Đại hùng Đại lực đại từ bi; 14. Mong thêm xét dứt làm nhỏ nhứt; 15. Khiến tôi sớm lên Phật không trên; 16. Với mười phương cõi ngồi đạo tràng.

Đây là lời Phật gia hộ, để mong dứt những vọng hoặc quá vi tế, mà kỳ cho được chúng lên bậc tốt cao thượng.

Thể theo chúng lên ngôi Vô thượng làm thầy cả chín cõi, nên nói là **Đại Hùng**. Có cái Trí Tuệ phá tan được nghiệp chướng mê hoặc của phiền não nơi ta và chúng, nên nói là **Đại lực**. Cứu hết cái khổ sanh tử của chín cõi, cho chúng đều được cái vui Niết bàn của cõi Phật, nên nói là **Đại từ bi**,

NGŨ TRƯỚC ẮC-THỂ	}	<b>kiếp</b>	}	(Thẻ nó gồm 4 trước kia ; tương nó chứa lẫn thay đổi	}	(Thẻ nó gồm 5 độn sử ; tương làm phiền-loạn thân tâm	(Vì có 5 trước ấy nó làm mê - loạn chơn - tánh, gây nhiều ác- nghiệp, nên gọi ác-thể.
		<b>phiền-nã</b>		Thẻ hợp 3 duyên ; tương nổi lẫn mãi 6 đường			
		<b>chúng-sanh</b>		Thẻ gồm 5 lợi sử ; tương chấp thành-kiến hiểu làm			
		<b>kiến</b>		Thẻ gồm thọ noãn-thức ; tương chong mòng tuổi sống			
		<b>mạn</b>					

Sách Văn Cú nói: Đại lực là đức tốt "Diệu trạm" (tinh thần mạnh sáng). Đại từ bi là đức tốt "Tổng trì" (ngộ lực gom giữ). Đại hùng là đức tốt "Bất động" (uy nghi tự tại). Lại nói: Chúng được cái lý thể "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại Hùng"; đủ cái trí chiếu "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại lực"; đầy cái diệu dụng "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại từ bi". Lẫn nhau đề nghị xét, là cái có: Ba và Một chẳng phải là hai lẽ.

"Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc", Hy: trông, cầu. Vi tế hoặc: chính là cái vô minh của bực đã ra ngoài tam giới. Kinh nói: "Người (A Nan) nay đã đắc quả Thánh Tu đà hoàn, đã dứt diệt rồi điều mê hoặc bằng nhận thấy sai lầm giữa thế gian chúng sanh trong tam giới". Chính là bài kệ trước kia đã nói: "Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tương".

Kinh lại nói: "Song, bởi chưa biết trong Căn tánh nó chứa chất cái thói quen giả dối từ vô thủy đến nay, với cái thói quen ấy, cốt phải do công tu mới đoạn trừ được nó". Cái "thói quen" đó là chỉ cho sự lo nghĩ làm sai (*tu hoặc*) của chúng sanh trong tam giới.

Kinh lại nói: "phương chi trong đời nay đây, với mỗi bốn giai đoạn: Sanh, Trụ, Di, Diệt của mỗi ý niệm, chia chẻ mỗi mỗi con số .....", những ý niệm sanh diệt đó, là chỉ cho cái vọng hoặc riêng của những bực đã ra ngoài tam giới, mà chính ở đây bảo là "vi tế hoặc".

(Là đoạn hết cái "kiến hoặc cả tam giới, quả vị là bực "Tín thứ nhứt" của Thập Tín bên Viên giáo, cũng là quả Tu đà hoàn chính Sơ quả bên Tạng giáo, bực Sơ Tín của Viên giáo với bực Sơ

*quả của Tạng giáo: Về phá trừ kiến hoặc thì đồng nhau; còn về lý giải thì lại khác: Vì bên Tạng giáo Thánh quả ấy chỉ đặc cái lý Chơn đế, bên Viên giáo bực Sơ Tín thì trọn rõ cả lý của Tam đế. Nên kinh này mặc dầu là nói cái danh Sơ quả bên Tạng giáo, song với A Nan: Cái chỗ nghe của ông là trọn hiểu rõ tất cả tam đế lý của Đại thừa).*

**Vô thượng giác** tức là ráo rột quả Phật Diệu giác, nếu người tu Phật đã đoạn hết cái mê hoặc vi tế thì liền tiến lên quả Diệu giác, chính rằng ba giác đã sáng suốt cực điểm tức là Như Lai.

**Mười phương cõi** cần đủ ngang và dọc để luận. Ngang tức là Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc và trên, dưới; như đối với phương đông: Để xét cõi hư không, thấy nó vô cùng vô tận, mà thế giới cũng không tốt không hết. Thế thì mỗi phương đều như vậy cả. Bàn về bề dọc, thì với giữa thế giới nhiều vô tận, thế giới nào cũng đủ bốn quốc độ. Đối với chúng sanh hoặc căn cơ nào đoạn hoặc chúng chơn đã viên mãn bình đẳng, thanh tịnh, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi tịch quang, để thị hiện cho chúng ấy được thấy "Pháp thân Phật". Hoặc có trình độ tu đoạn đã được bình đẳng tự lợi lợi tha, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi thật báo, để thị hiện cho họ thấy được "Báo thân Phật". Hoặc có hạng vừa tu chứng bực Nhị thừa, thì Phật ngồi nơi Đạo tràng giữa phương tiện độ, để thị hiện cho chúng thấy được "Ứng thân Phật". Hoặc có hạng người tu bằng cách trước tướng chán khổ bỏ khổ, thì Phật ngồi nơi Đạo Tràng đồng cư độ, để cho chúng ấy được thấy thân Phật bằng cách "biến hóa". Song, tạng tánh của Phật là tròn bọc cõi hư không; chính chỗ bảo rằng: đến khi mà một người thành Phật, đầy đầy pháp giới đều là y báo chánh báo của một đức Phật chính là đây vậy.

**17. Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong**

**18. Thước ca la tâm vô động chuyển**

17/Tánh Thuấn Nhã đa có thể mất

18/ Tâm Thước ca la không hề nao.

Đây là tỷ dụ: Với cái tâm nguyện không lui mất. **Thuấn nhã đa** là: cái hư không. **Thước Ca la**: bền chắc. Nghĩa là những vật chất như địa cầu còn có ngày tiêu diệt, vì hữu hình hữu hoại; chớ hư không là vô tướng, thì bao giờ tiêu mất được, vì nó là thể tánh bất sanh bất diệt. Thế mà bảo rằng: "Nó có thể tiêu vong" đó,



là ý nghĩa rất sâu để tở lại với cái “tâm nguyện” rất kiên cố, rôt ráo không hề thối chuyền.

**Hỏi:** Kinh nói: Với cái hư không, phi ai có thể làm gì nó được, nên nó không hoại diệt. Lại nói: “phát minh được cái chơn qui ngươn (nguyên: chơn tâm) rồi, thì hư không liền tiêu mất”. Thế với hai nghĩa trên nói sao cho xuôi ?

**Đáp:** Bằng nói pháp thế tục đế, thì với “hư không” chẳng có thể diệt nó đặng, nên trong kinh sách Phật, một phần cũng dùng cái hư không để tở dụ cái chân tánh, vì là nghĩa bất sanh bất diệt bởi vô hình vô động; còn cứ nơi pháp Đế nhất nghĩa đế thì cái không nó nguyên bởi nơi vô minh làm mê mất cái Chơn không mà biến đổi làm ra cái Ngoan không. Nếu phá được vô minh rồi, thì toàn thể nó chính là Như lai tạng tâm, ngay nơi Ngoan không mà làm Chơn không, giữa hư không cả đại địa cũng là cái Diệu hữu. Kinh lại nói: Cái hư không sanh trong tâm đại giác, tở như một cục bọt nổi giữa biển cả, bọt tan cũng như cái “không” vốn chẳng có, hư không đã chẳng có, huống đâu còn tam giới. Chính rằng nghĩa trên đây, kêu bằng hư không (Thuần nhĩ đa) hữu tận, ngã nguyện (nguyện tâm) vô cùng (Thước ca la: kiên cố).

**Nam mô Thường trụ thập phương Phật**

**Nam mô Thường trụ thập phương Pháp**

**Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.**

Cúi lạyngôi Phật bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạyngôi Pháp bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạyngôi Tăng bảo thường ở đời nơi mười phương.

Đây là lạy chung tất cả các ngôi Tam bảo hiện trụ trong thập phương thế giới. Với ba hiệu trên sẽ thấy giải thích ở nơi văn sám hồi sau.

**Nam mô Thích Ca Mưu Ni Phật**

**Nam mô Phật đánh Thủ lăng nghiêm**

**Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.**

**Nam mô Kim Cang Tạng Bồ-Tát**

Kính lạy ngôi Phật là đức Thích Ca Mâu Ni.

Kính lạy ngôi Pháp là Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm

Kính lạy ngôi Tăng là đức Quán Thế Âm Bồ tát và Ngài Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Đây là lạy riêng về Ngôi Tam Bảo của Kinh Lăng Nghiêm; Thích Ca Giáo Chủ là “Phật bảo”; Lăng Nghiêm kinh chú là “Pháp

bảo"; hai vị Bồ tát thuộc "Tăng bảo". **Thích Ca** (*Sẽ giải rõ ở văn Đại sám hối là Hồng danh bửu sám*). **Quán Thế Âm**: đích là với Kinh này về chánh tông kén chọn "nhĩ căn viên thông" vì Bồ tát Ngài bắt đầu từ nơi nhĩ căn đi sâu vào mà đắc quả viên thông. Đức Văn Thù chắm lấy nhĩ căn, vì nó rất thích hợp với căn cơ của thánh giả ở thế giới ta bà này. Nên văn tắt rằng: "Thử phương chơn giáo thể, thanh tịnh tại âm văn" (phương đây thiết giáo thể, trong sạch ở tiếng nghe). Nghĩa là với thể lãnh giáo đúng chơn thật của chúng như thế giới ta bà đây, được thanh tịnh như ở tai nghe của thánh giả đối với tiếng nói của đấng thuyết pháp.

Lại bởi Nhĩ căn (thính giác) nó đủ cả ba cái thể chơn thật là: Viên, Thông, và Thường. Kinh nói "Dụ như người ở chỗ yên lặng, mười phương đều có kẻ đánh trống, đồng thời cũng đều nghe được cả". Đó là Viên chơn thật. "Cách vách nghe tiếng vang, xa gần cũng nghe được". Đó là Thông chơn thật "Với lúc không tiếng động, tánh nghe đã chẳng diệt; với khi có tiếng vang; thính giác cũng phi sanh". Đó là thường chơn thật.

Vậy, người tu Phật: Chính khi nghe, cốt chớ nghe nơi ngoài cảnh, vì tiếng bên ngoài là thuộc về trần; lại cũng đừng nghe bên trong, vì cái động cảm bên trong lòng là thuộc về thức. Bởi nếu nghe nơi trần thì bị nhiễm ô, còn nghe nơi thức thì bị phân biệt, vì thức cùng trần đều phi tự tánh. Nay chỉ nghe mà thôi, nghĩa là cái "nghe" chỉ nghe lấy tự tánh của nó. Đã được quày cái nghe để nghe lại tự tánh, là đi ngược dòng mê vọng của sanh tử khổ hải, để tiến vào dòng giác. Chơn của pháp tánh linh nguyên, nghĩa là: "mất cái tướng động tướng tịnh, hết cái nghe bằng có nghe, không cái biết rằng có biết, diệt cái không bằng không suông" (bởi cái không ấy nó còn đối với cái có), mà đắc cái cảnh giới "tịch diệt" hiện tiền, liền siêu việt lên trên cái tri thức của lục phàm ở thế gian, và tri giác của tam thừa xuất thế gian; vì tri thức của thế gian là vọng trần cũng như vật chất hay duy vật khách quan, còn trí giác của xuất thế gian là phân biệt cũng như ham tịnh ghét nhiễm chỉ lo phân tự giác tự độ, Duy thức chủ quan. Đối trên thì đồng hợp với "Tứ dữ lạc" của chư Phật, đối dưới thì đồng cảm với "Bi bạt khổ" cho chúng sanh. Thế thì đã trọn phá rồi cái vọng thân ngũ ấm trọn vượt khỏi rồi cái vọng kiếp ngũ trược trọn dứt rồi ba cái vọng hoặc, trọn rõ ràng ba cái đức tốt..... nhân đến chúng được rốt ráo quả vị Phật.

Trong những thời ta đương trì tụng chú Lăng Nghiêm, nên biết mỗi chữ đều do nơi tự tâm đưa ra, trở lại đến nghe nơi dòng tự tánh, miệng thì tụng, tâm thì soi, chăm chăm như-như rót nước chẳng sai dòi, cũng không cho tâm thần (ý thức) nó hôn trầm và tán loạn. Vậy, ta liền khế hợp ngay nơi "lễ viên thông" của đức Quán Thế Âm, cũng dù thi-vi gì gì nữa đâu chẳng là tánh tạng bí mật ư? (*xin xem kinh Lăng Nghiêm quyển thứ 6 và lời chú giải sẽ được tường tận cả nghĩa trên*).

Ngài **Kim Cang Tạng** là chủ tịch bên Mật bộ, vì Ngài năng hộ trì những người tu trì chú Lăng Nghiêm, khiến cho tu sĩ ấy được chóng thành tựu công đức.

**Nhĩ thời Thế Tôn, tòng nhục kế trung, dũng bách bửu quang, quang trung dũng xuất, thiên diệp bửu liên, hữu hóa Như Lai, tọa bửu hoa trung, đánh phóng thập đạo, bách bửu quang minh, nhứt nhứt quang minh, giai biến thị hiện, thập hằng hà sa, Kim Cang mật tích, kinh sơn trì xử, biến hư không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhứt tâm thính Phật, vô kiến đánh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết thần chú.**

Lúc bấy giờ, từ trong tướng nhục kế nơi đánh của Thế Tôn vọt ra một hào quang bằng trăm ánh báu; trong hào quang hiện ra một hoa sen nở hàng nghìn cánh, có một Hóa Phật ngồi trong hoa sen báu ấy, trên đánh Hóa Phật phóng ra mười đạo hào quang bằng những ánh của trăm ngọc báu, mỗi mỗi tia sáng ấy đều chiếu khắp nơi để thị hiện ra 10 hằng hà sa thân Kim Cang Mật Tích: ông thì bung núi, ông thì cầm xử v.v... khắp cõi hư không, đại chúng đều ngửa mặt trông nhìn, ôm lòng vừa kinh sợ vừa mến yêu để xin Phật thương giúp, nên đều chăm lòng đợi nghe Phật dạy, đức hóa Phật trong hào quang mà nơi tướng vô kiến đánh phóng ra đó tuyên nói thần chú như sau.

Đây là đức Thế Tôn Ngài thị hiện cái tướng biến hóa ra để thuyết thần chú (tức là năm hội thần chú sẽ thấy sau kia).

Lời Sớ giải thích rằng: Với cái tướng tốt **nhục kế**, so theo Vô thượng y Kinh nói, thì: Cái đánh đầu của Phật có xương óc nổi cao lên tự nhiên nó thành như cái "đầu tóc bới", tức kinh đây bảo là "Đại Phật đánh", cũng tên là Vô Kiến đánh, để tỏ bày là cái thể bất động trí. **Bách Bửu quang**: hào quang bằng ánh sáng của trăm thứ báu, là để tiêu biểu cái dụng sáng suốt vô lượng trí chiếu khắp

trăm thế giới, vì đúng với tánh khắp giáp. **Thiên điệp bửu liên:** hoa sen báu nở nghìn cánh, là trung ra rằng ngàn lần vẫn đúng như một. **Hữu hóa Như Lai tọa bửu hoa trung:** Bửu hoa là Nhơn, Như Lai là Quả, để tỏ rằng: Nhân trùm biển quả, Quả thâu nguồn nhơn, mà Nhơn quả vẫn đồng thời. **Đảnh phóng thập đạo..... thập hằng hà sa:** Trên đảnh hóa Phật phóng 10 tia sáng.....10 số hằng hà sa, là để nêu rõ rằng: Các pháp "Thập giới, thập như v.v...." mà pháp thì có sai biệt, còn hào quang thì không lệch khác, pháp và quang đều là cái diệu dụng của "Như lai tạng tánh", nhưng pháp và quang đều khắp giáp thị hiện ra đó là: Chính để tỏ rằng tạng tánh ấy bản thể nó sẵn sàng thanh tịnh khắp giáp pháp giới.

**Kim Cang Mật Tích:** Tiếng Phạm là Sanda, tiếng Ta đọc là Tán na. Lại Phạm ngữ Pancika, ta đọc là Tán chi ca, dịch là Mật chủ, vì đủ bốn nghĩa Mật: Danh, Hành, Trí và Lý, làm vị thần Hộ pháp chủ, bởi sự tích thị hiện làm Kim Cang thân, nên gọi là Mật Tích: danh tích bí mật. Nghĩa là Bửu quang ấy thể nó như kim cương; không chi phá hoại được, mà nó phá hoại được số hằng sa phiền não của thập giới (10 cõi), khắp hiện ra số hằng sa diệu dụng trong mười cõi, nên nói là biến hư không giới.

**Úy ái:** Sợ thương, vì đủ uy đức, để bẻ dẹp, nên đại chúng đều sợ, đủ từ bi để dung thâu, nên đại chúng đều mến yêu. Cũng như nói: Úy kỳ oai, hoài kỳ đức. **Đức Hóa Phật trong hào quang trên đảnh** là nêu rõ rằng: "Cái thể kín nhiệm" nó chẳng mượn công tu và chứng, vì tâm với Phật vẫn đều là vô vị. **Đức Hóa Phật nói thần chú** là để tỏ bày "cái diệu dụng kín nhiệm" chẳng khá nghĩ bàn. Phóng hào quang hóa Phật nói chú, thì Hóa Phật thuyết chú đều là hào quang, là để tỏ "cái tướng kín nhiệm" vô ngại thanh tịnh. Từ nơi đảnh Phật là để tỏ tức là Hiền, tức là Mật, vì pháp nó không khác nhau. **Vô Kiến:** không thấy, là nêu rõ rằng chẳng phải Hiền, chẳng phải Mật, vì pháp nó vẫn vắng lặng. Đây chính là cái lý trọn chứng của Như Lai, và tức là cái thể mà chúng sanh đồng đủ. Song, Lý nó nhơn nơi Sự để tỏ bày, còn pháp là theo nơi Cơ để cảm hóa. Vì A Nan trước nhờ Ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ rồi dẫn về, đó là chỉ mớiặng sự lợi ích của pháp Mật mà thôi, chớ chưa được rõ nghe về pháp Hiền. Về đến pháp hội, đã nhờ đức Như Lai mỗi tầng chỉ vẽ....A Nan mới tỏ ngộ đặng lý Viên đốn, rõ được sự viên tu. Còn với những điều mà ông muốn thâu tâm vào định Thủ Lăng Nghiêm để tránh xa các sự ma

chương, thì còn phải nhờ 4 giới Trọng cầm giữ được như giá trong tuyết trắng. Chí như những thói quen của mấy đời trước rất khó trừ, thì cần phải tụng “Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm thần chú” mới trừ được. Thế nên trong cuốn thứ 7, A Nan lập lại câu Phật phóng quang hiện đức Hóa Như Lai tuyên thuyết thần chú.

(Trong bộ Du Già dạy có 4 cách niệm tụng: 1/ niệm tụng có âm thanh, là niệm bằng cách đọc ra tiếng. 2/ Kim Cang niệm tụng: ngậm miệng niệm thầm, cuống lưỡi hơi cử động. 3/ Niệm tụng bằng phép Tam ma đề: là niệm trong tâm tưởng. 4/ Chơn thật nghĩa niệm: tu hành đúng với chữ nghĩa.

Lại hoặc phân làm 5 cách niệm tụng: 1/ Xuất nhập tức tụng, là lòng tưởng theo tiếng chữ chú, tùy theo hơi thở ra hút vào, hễ hơi ra thì tưởng chữ ra, hơi vào thì tưởng chữ vào, mỗi chữ rõ ràng, như râu chuỗi ngọc, trước sau không hở xen. 2/ Du Đà trì tụng: tưởng nơi trái tim ta nó tròn như mặt nguyệt, trong ngoài phân minh, tưởng như thứ lớp chữ thần chú trước quanh qua bên hữu, mỗi chữ khắp bủa chạy theo cái bìa vòng tròn của mặt trăng ấy, rồi rồi trở lại như trước. 3/ Kim Cang trì tụng: ngậm môi, trong miệng niệm nhỏ nhỏ làm thầm nơi đầu cuống lưỡi. 4/ Vị thính trì tụng: đọc mỗi chữ cho rõ ràng, tiếng đọc chỉ vừa lỗ tai mình nghe được mà thôi, chớ đừng đọc lớn đến người ở gần nghe. 5/ Cao thính trì tụng: cao giọng niệm tụng lớn tiếng để cho người nghe, hầu dứt ác sanh thiện.

Trong Như ý bửu kinh, ông Diệu Trụ Bồ Tát hỏi: Có người cũng niệm tụng bài thần chú đây, nhưng tại sao không thấy được tam thế chư Phật? Phật đáp rằng: Bởi vì lòng còn trụ trước nơi nghiệp thiện hay ác, lòng nghi ngại chưa đoạn, lòng chấp hữu vi, và không có phương tiện; nếu có thể tâm không nghi hoặc, quyết định chuyên chú, thế mới gọi là chơn thực trì tụng được.

Lại, ông Diệu Tý Bồ Tát hỏi: trì tụng thần chú mà không thể kết quả, là phải chăng pháp lực vô hiệu? Hay là những thời tu niệm trái giờ? Hoặc nữa, chúng tánh nó chẳng phải Phật tánh ư? Hoặc Thần chú còn khuyết điểm lợi ích? Kẻ tu trì tự ý khinh mạn? Hay là lễ vật cúng dường chẳng đủ? Kim Cang thủ Bồ tát trả lời rằng: Người mà tu chơn ngôn cũng như thần chú, muốn cho được thành tựu, thì cần phải lìa hẳn các phiền não, dấy nơi đức tin sâu, phát tâm Bồ đề, kính trọng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, xa lìa mười nghiệp ác, bỏ thói tà kiến, hành pháp thập thiện; vào đàn

niệm chú, nương theo vị A xà lê, quyết chí mạnh tiến, sám hối nghiệp chướng từ đời trước, giúp bạn đồng tu, vật cúng tinh khiết, thì phép tu chơn ngôn nó không sai ngoa. Trái lại, người tu chẳng đúng phép thì làm gì được ứng nghiệm ư? Kẻ nào trì tụng đúng pháp thì chắc chắn được linh cảm. Đời nay người tu trì không được ứng nghiệm, đã không tự trách lỗi mình mà trở lại phiên trách kinh chú vô hiệu. Thật là vô lý ! Nếu do đó mà sanh tâm nghi ngờ chê bai, tất phải chịu quả báo tội ác, với hạng người tu tụng như thế đó, than ôi khá tiếc !



**Phụ:** Sau đây là năm đệ thần chú (đôi với Phạm ngữ là tiếng của Ấn Độ, tôi chưa học nói được nên chỉ dịch bằng tiếng Việt đọc, chữ Nho của Việt xưa mà thầy Tổ đã vẫn truyền dạy bấy lâu. Tổ Vân Khê cũng đã phán: “Không biết tiếng Phạm thì đọc ngay tiếng thổ âm của mình cũng đặng, vì không cần tiếng mà cần ở tâm, bởi thần chú, nghĩa: Uy linh bất trắc gọi là Thần, tùy tâm sở nguyện gọi là Chú”. Lại: linh tại ngã, bất linh tại ngã; thế cần gì tiếng Phạm?):

#### ĐỆ NHỨT HỘI:

Nam mô tát đát tha tô già đa da a la ha đế tam miệu tam bồ đà tóa.  
Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tộ.

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm.

Nam mô lô kê a la hán đa nẫm.

Nam mô tô lô đa ba na nẫm.

Nam mô ta yết rị đà già di nẫm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đê ba đa na nẫm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sắc nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đê. Lô đà ra da. Ô ma bát đê, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đê. Na ra dã noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam ô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Ma ha ca ra da. Địa rị bát lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đát rị già noa.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Đa tha già đa cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra da.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ trụ đa, bác ra bà ra xà đa, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biêu nam mô tất yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đát tha già đô sắc ni sam, tát đát đa bác đác lam

Nam mô a bà ra thị đàm, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bác ra bí địa da sát đà nê, a ca ra mật rị trụ, bác rị đát ra da nánh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất pháp bát na nê phạt ra ni, giả đô ra thất đế nâm, yết ra ha ta ha tát ra nhả xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nâm, na xoa sát đác ra nhả xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nâm, ma ha yết ra ha nhả xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nê bà ra nhả xà, hô lam đột tất pháp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhả xà, a bác ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nê, a rị da ba ra tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạt xà ra ma lễ đễ, tỳ xá lô đa, bột đàng võng ca, bạt xà

ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị đa đa ra, ma ha bà ra a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hắc tát đa giá, tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ lô giá na cu rị đa, dạ ra thố sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đôn trì giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ề đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám quật phạm đô, ấn thố na mạ mạ tóa.

### ĐỆ NHỊ HỘI

Ô hồng rị sắc yết noa, bác lạc xá tát đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng. Đô lô ung, chim bà na. Hổ hồng, đô lô ung tát đàm bà na. Hổ hồng, đo lô ung ba ra sắc địa đa tam bác xá noa yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, tát bà dược xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi đế nâm, yết ra ha ta ha tát ra nâm, tỳ đằng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điềm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát đế bạc bà đô, mạ mạ, ấn thố na mạ mạ tóa.

### ĐỆ TAM HỘI

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ, a xá nê bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đà bà dạ, lạc xà đằng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dược xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tát rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, bồ đơn na yết ra ha, ca tra bồ đơn na yết ra ha, tát kiên độ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xá đa ha rị nâm, yết bà ha rị nâm, lô địa ra ha rị nâm, man ta ha rị nâm, mê đà ha rị nâm, ma xà ha rị nâm, xà đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha rị nâm, tỳ đa ha rị nâm a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nâm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bác du bác đất dạ, lô đà ra hất rị



đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đát đỏa già lô trà tây hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đát rị già noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà, ra tha ta đạt na hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đót ra bà kỳ nễ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hát rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế sách hê dạ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nễ, cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa vòng, bà dà phạm, ấn thổ na mạ tủa.

### ĐỆ TỬ HỘI

Bà già phạm, tát đát đa bác đát ra. Nam mô tỳ đô đế, a tát đa na ra lạc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đát đa bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hổ hồng hổ hồng, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, ta ha, hê hê phẩn, a mâu ca da phẩn, a ba ra đề ha đa phẩn, ba ra bà ra đà phẩn, a tô ra tỳ đà ra ba ca phẩn, tát bà đề bệ tộ phẩn, tát bà na già tộ phẩn, tát bà bồ đơn na tộ phẩn, ca tra bồ đơn na tộ phẩn, tát bà đọt lang chỉ đế tộ phẩn, tát bà đọt sáp tỳ lê hát sắc đế tộ phẩn, tát bà thập bà lê tộ phẩn, tát bà a bá tát ma lê tộ phẩn, tát bà xá ra bà noa tộ phẩn, tát bà địa đế kê tộ phẩn, tát bà đát ma đà kê tộ phẩn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn, xà dạ yết rama độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn, tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn, giả đô ra phược kỳ nễ tộ phẩn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa kỳ rị tộ phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đát rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tỳ sắc noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệc đát rị duệ phẩn, lao đát rị duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đát rị duệ phẩn, ca bát rị duệ phẩn, a địa mục chát đa ca thi ma xá na, bà tư nễ duệ phẩn, diện kết chát, tát đỏa bà tủa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tủa.

## ĐỆ NGŨ HỘI

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỷ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiên đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tóa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao dà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra, bộ đa yết ra ha, curu bàn trà yết ra ha, tất kiên đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan đại ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiên độ ma ni yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, trị đế dược ca, đất lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra tử sam ma thập phạt ra, bạc đề ca, tử đế ca thất lệ sát mặt ca ta nê bác đế ca, tất bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ bạt lô chế kiem, a ý lô kiem, mục khô lô kiem, yết rị đột lô kiem, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hát rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạc tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, tra kỳ ni thập bà ra, đà đột lôca kiem đót lô kiết tri, bà lộ da tỳ, tất bác lô ha lãng già, du sa đất ra, ta na yết ra tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra kiến đa ra, a ca ra mặt rị đót đất liêm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tất bà na cu ra, tứ dẫn già tộ yết ra rị dược xoa đác ra xô, mặt ra thị phệ đế sam ta bệ sam, tất đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba bốt đà xá dụ xà na, biện đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thủ bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô đi đác điệc tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nê, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hồ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha. *(hết chú Lăng Nghiêm)*



Năm hội thân chú trên nói đề "tánh Như Lai tạng" một cách rất kín nhiệm (*pháp mật*), còn kinh Lăng Nghiêm cũng nói về "tánh Như Lai tạng" mà nói một cách rất rõ ràng (*pháp hiển*). Bởi vì có chúng sanh nghe thuyết pháp "mật giáo" rồi tự tỏ ngộ vào chơn lý; hoặc có chúng sanh như nghe nói pháp "Hiển giáo" mà tự nhận rõ được chơn lý. Thế đủ biết rằng: hoặc hiển thuyết, hoặc mật thuyết... đâu chẳng phải là phương pháp của Phật giáo hóa chúng sanh ?

Ngài có đủ phương tiện bằng ba pháp luận bất khả tư nghị như thế.

Phép thần chú của Tiên Phạm thiên làm rối loạn tâm tánh của A nan, đến khi nó gặp chú Lăng Nghiêm do Hóa Phật ở trong hào quang trên đánh đức Thế Tôn nói, thì thần chú Trời bị thần chú Phật đánh tiêu, chẳng những giải cứu được cái lụy “kiết hoặc” cho A Nan, mà cũng khiến cho nàng Ma Đăng Đà liền chứng được quả thánh thứ ba (A Na Hàm).

Bởi vì sức thần chú ác pháp tử như lửa của con đom đóm, ánh sáng của thần chú thiện pháp như ngàn mặt nhật; lửa đom đóm kia gặp một ngọn đèn còn không rõ sáng đặng, phương chi với nghìn mặt nhật ư? Thế nên với thiện chú đây người tụng cũng đắc công đức bất khả tư nghị. Tức là “Sità tapatra” “Tất đất đa bát đất ra” tên của chú “đại Phật đánh”, dịch: “Bạch tán cái” nghĩa: Cây tàn trắng tức là chỉ cái “tạng tâm”, vì rằng: chẳng cùng hợp nhau với điều vọng nhiễm, nên nói là “Bạch: Trắng”, bởi như cây tàn trắng che mát chúng sanh.

Quý quái các chất độc địa, tám hoạnh, chín nạn, sao tai ương, chiêm bao ác đều không nhiễm trúng tai hại gì được; chư Thiên chư Thần thường đến phù hộ. Dầu lỡ phạm tội ngũ nghịch, tứ trọng, cũng đều được sám hối. Xa lìa các điều Ma chướng, rốt được thành đạo Phật. Hễ có cầu nguyện gì, thì tùy muốn thế nào đều kết quả thế nấy. Xin xem cuốn Lăng Nghiêm thứ 7.



Hết cuốn 1 (còn tiếp cuốn 2)